

TRUNG TÂM KIỂM DỊCH Y TẾ QUỐC TẾ QUẢNG NINH

BẢNG KÊ THANH TOÁN LƯƠNG THÁNG 01/2024 VÀ CÁC KHOẢN KHÁC

Kính gửi: Ngân hàng ngoại thương (Vietcombank) Quảng Ninh

Đề nghị ngân hàng trích tài khoản số: 0141.000.402.547 của Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế QN để trả lương và các khoản khác qua tài khoản CBVC đơn vị chúng tôi theo danh sách sau:

STT	Họ và tên	Số tài khoản	Số tiền					Tổng cộng
			Lương tháng 01/2024	Truy lĩnh lương	Trợ cấp ngành	Công tác phí khoán	Hỗ trợ cước điện thoại	
1	Hoàng Văn Lương	055.100.000.2469	13.762.800				600.000	14.362.800
2	Đặng Văn Thành	014.100.010.9551	14.708.880				400.000	15.108.880
3	Trần Thanh Thùy	1013.029.492	10.868.040				400.000	11.268.040
4	Trần Tuấn Linh	014.100.034.2546	18.478.539					18.478.539
5	Đinh Văn Bổng	014.100.034.2528	14.184.279					14.184.279
6	Nguyễn Thu Thủy	014.100.006.0055	9.165.150			500.000		9.665.150
7	Nguyễn Thị Thuý Hạnh	014.100.003.2752	10.116.450			500.000	300.000	10.916.450
8	Nguyễn Quang Vinh	014.100.034.2472	10.603.980			400.000	300.000	11.303.980
9	Bùi Gia Thiệp	014.100.034.2519	12.353.490				300.000	12.653.490
10	Nguyễn Gia Tuấn	014.100.011.2423	12.537.090				200.000	12.737.090
11	Trần Trung Được	014.100.034.2555	8.514.720			400.000		8.914.720
12	Vy Văn Sự	014.100.024.6871	17.036.739			100.000	300.000	17.436.739
13	Trần Thị Lê Lai	014.100.011.2416	7.805.160			400.000	200.000	8.405.160
14	Giang Thị Lan	014.100.034.2573	10.182.150					10.182.150
15	Nguyễn Thị Phương	055.100.002.0067	10.749.060			200.000	200.000	11.149.060
16	Nguyễn Thị Phương Thảo	014.100.034.2490	11.904.390				200.000	12.104.390
17	Nguyễn Văn Quyết	014.100.034.2665	12.199.230				200.000	12.399.230
18	Đào Thị Phúc	014.100.034.2582	9.347.940			400.000		9.747.940
19	Ngô Mạnh Quý	014.100.041.7989	9.501.030					9.501.030
20	Nguyễn Thị Uyên	014.100.020.5345	8.594.460					8.594.460
21	Nguyễn Thị Hiền	014.100.043.8172	9.312.660	1.614.600				10.927.260
22	Vy Quyết Chiến	055.100.011.0626	8.954.460					8.954.460
23	Lưu Thế Dương	014.100.060.5819	8.613.000					8.613.000
24	Nguyễn Văn Cháp	055.100.013.4439	8.954.460					8.954.460
25	Nguyễn Thị Quỳnh Ly	014.100.066.7015	10.209.060				100.000	10.309.060
26	Nguyễn Tiến Quang	0551.000.246.429	13.053.150	0			200.000	13.253.150
27	Bùi Ngọc Liên	0521.000.026.866	10.209.060					10.209.060
28	Nguyễn Tiến Vương	0141.000.725.802	9.861.030				200.000	10.061.030
29	Đoàn Thị Hương Mai	0141.000.725.391	14.837.580	2.664.090			300.000	17.801.670
30	Hoàng Mạnh Tùng	1017.320.789	7.544.970					7.544.970
31	Trần Thanh Thùy	0141.000.550.058	10.182.150					10.182.150

STT	Họ và tên	Số tài khoản	Số tiền					Tổng cộng
			Lương tháng 01/2024	Truy lĩnh lương	Trợ cấp ngành	Công tác phí khoán	Hỗ trợ cước điện thoại	
32	Nguyễn Thị Yến	1031.000.000.993	7.544.970					7.544.970
33	Nguyễn Thị Thanh Hương	055.100.028.1391	9.321.030					9.321.030
34	Hoàng Văn Hồng	055.100.011.0981	8.793.000	1.776.060				10.569.060
35	Nguyễn Văn Tuấn	1.016.768.866	7.916.940					7.916.940
36	Đặng Tuấn Khương	0551.000.092.063	6.656.940					6.656.940
37	Nguyễn Tuấn Linh	0551.000.290.932	8.820.540					8.820.540
38	Hoàng Thị Thắm	0551.000.016.951	7.544.970					7.544.970
39	Nguyễn Đức Trọng	1024.575.741	8.820.540					8.820.540
40	Nguyễn Thị Thanh Nga	9362.128.166	6.656.940					6.656.940
41	Mai Hồng Trang	1024.572.562	7.016.940					7.016.940
42	Đinh Quang Thái	0551.000.267.389	6.656.940					6.656.940
43	Nguyễn Thị Quý	1024.742.585	6.656.940					6.656.940
44	Đỗ Việt Chung	1043.830.779	6.972.399					6.972.399
45	Nguyễn Thái Hưng	014.100.087.3281	5.262.570					5.262.570
46	Đặng Thị Phúc	1016.861.498	4.612.140			400.000		5.012.140
47	Nịnh Văn Viết	0141.000.891.209	5.814.450				100.000	5.914.450
48	Bùi Phương Thanh	1024.573.255	4.612.140			500.000		5.112.140
49	Trần Hồng Phong	1043.777.790	4.473.184					4.473.184
	<u>Cộng</u>		<u>468.498.730</u>	<u>6.054.750</u>	<u>0</u>	<u>3.800.000</u>	<u>4.500.000</u>	<u>482.853.480</u>

KẾ TOÁN



Bùi Phương Thanh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Ngày 09 tháng 01 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Hoàng Văn Lương